

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8- LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 02/2025/DS- ST-VB
Ngày 24/7/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lụa.
Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Lê Duy Bình.
2, Ông Hồ Trọng Trung.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại phòng xét xử Toà án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2025/TLST- DS ngày 13/5/2025, Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST- DS ngày 04/7/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Đức Ng, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn Thị Tứ, xã VL, huyện VB, tỉnh LC - Nay là thôn Thị T xã V L, tỉnh LC. Có mặt.

Bị đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Thị Tứ, xã VL, huyện VB, tỉnh LC - Nay là thôn Thị T xã V L, tỉnh LC. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với nguyên đơn: Bà Bùi Thị S, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn Thị Tứ, xã VL, huyện VB, tỉnh LC - Nay là thôn Thị T xã V L, tỉnh LC. Vắng mặt có lý do.

Người nhận ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị S là ông Bùi Đức Ng, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn Thị Tứ, xã VL, huyện VB, tỉnh LC - Nay là thôn Thị T xã V L, tỉnh LC. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn, người nhận ủy quyền của bà Bùi Thị S, ông Bùi Đức Ng trình bày:

Tôi và bà Bùi Thị S chỉ cho cá nhân bà Đinh Thị N vay tài sản là tiền vào các ngày 08/10/2018 số tiền 50.000.000đ; ngày 26/11/2018 số tiền 50.000.000đ; ngày 19/01/2019 số tiền 50.000.000đ; ngày 17/3/2019 số tiền 50.000.000đ; ngày 15/11/2019 số tiền 50.000.000đ; ngày 20/12/2019 số tiền 50.000.000đ; ngày 14/02/2020 số tiền 100.000.000đ; ngày 17/5/2020 số tiền 50.000.000đ; ngày 06/7/2020 số tiền 500.000.000đ; ngày 19/01/2021 số tiền 100.000.000đ; ngày 14/5/2021 cho vay 02 lần với số tiền 300.000.000đ; ngày 16/10/2021 số tiền 700.000.000đ; ngày 27/01/2022 số tiền 650.000.000đ; tháng 6/2022 vay số tiền

40.000.000đ (vay nóng không viết giấy), thỏa thuận không phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền vay (tiền gốc); không phải thế chấp tài sản cho khoản vay nêu trên để bà N có vốn buôn bán và đảo nợ ngân hàng đến hạn (*mục đích vay tiền và sử dụng tiền đều là nghe bà N trình bày*).

Đến ngày 11/10/2022 ông Ng và bà N chốt nợ, bà N viết giấy khát nợ (chốt nợ) hiện còn nợ của ông Ng số tiền 2.740.000.000 đồng và hẹn đến ngày 02/10/2023 sẽ trả cho ông Ng số tiền 1.000.000.000đ. Tuy nhiên, kể từ ngày 02/10/2023 đến nay ông Ng đã gặp trực tiếp, điện thoại và nhắn tin qua lại đòi nợ nhiều lần nhưng bà N không trả nợ như cam kết mà chỉ khát lần. Đến nay đã quá hạn trả nợ cho ông Ng và bà S là 01 năm 10 tháng bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền lợi của vợ chồng ông Ng và bà S.

Tại thời điểm cho bà N vay tiền thì ông Lê Đức H (chồng bà N) đã bỏ đi khỏi địa phương đến nay không về sống với bà N. Ông H không cùng bà N vay tiền và không được ký vào giấy cam kết (giấy vay nợ) của ông Ng và bà S.

Đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Lào Cai buộc bà Đinh Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 2.740.000.000đ (*hai tỷ bảy trăm bốn mươi triệu đồng*) cho ông Nguyễn Đức Ng và bà Bùi Thị S. Ông Nguyễn Đức Ng và bà Bùi Thị S không yêu cầu bà N trả tiền lãi phát sinh/số tiền gốc.

2. Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa và tại phiên tòa bà Đinh Thị N trình bày: Bà N công nhận chỉ có cá nhân bà N vay tổng số tiền 2.740.000.000 đồng (chi tiết các lần vay như ông Ng trình bày phần trên là đúng. Quan điểm ý kiến đã trình bày đề nghị như tại tự khai ngày 20/5/2025 và đối chất giữa tôi và ông Ng ngày 03/6/2025) của ông Bùi Đức Ng và bà Bùi Thị S, việc vay tiền hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận vay và cho vay tài sản (tiền VNĐ) không tính lãi trên số tiền vay, không phải thế chấp tài sản bảo đảm cho các khoản vay, mục đích vay tiền và sử dụng tiền vay để đầu tư vào kinh doanh buôn bán hàng hóa tổng hợp.

Tại thời điểm vay tiền của ông Ng và bà S thì ông Lê Đức H đã bỏ đi khỏi địa phương đến nay không về. Ông H không cùng bà N vay tiền và không được ký vào giấy cam kết (giấy vay nợ) của ông Ng và bà S.

Nay tôi nhất trí yêu cầu khởi kiện, trả nợ tiền gốc là 2.740.000.000đ (*hai tỷ bảy trăm bốn mươi triệu đồng*) cho ông Bùi Đức Ng và bà Bùi Thị S.

Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, phía nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị S là ông Bùi Đức Ng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Do vậy, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử để hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa nguyên đơn ông Bùi Đức Ng, người nhận ủy quyền của bà Bùi Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn nhưng nguyên đơn đề nghị không hòa giải với bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, người nhận ủy quyền của bà Bùi Thị S là ông Bùi Đức Ng. Bị đơn bà Đinh Thị N cư trú tại thôn Thị Tứ, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai- Đây là thôn Thị Tứ, xã Võ Lao, tỉnh Lào Cai. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 -Lào Cai và quan hệ tranh chấp là : “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025

[2]Về xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người nhận ủy quyền là ông Bùi Đức Ng và bà N đều cho rằng chỉ cho cá nhân bà Đinh Thị N vay tài sản là tiền sử dụng làm nguồn vốn đầu tư vào mua bán hàng hóa tổng hợp trong thời kỳ hôn nhân với ông H. Tuy nhiên, ông Lê Đức H (chồng bà N) không biết và không được sử dụng số tiền bà N vay và đã bỏ đi khỏi địa phương trước khi bà N vay tiền của ông Ng và bà S đến nay không về sống với bà N. Bà N không biết địa chỉ nơi ở mới của ông H, ông H không chuyển khẩu, không báo tạm vắng, không báo thời gian trở về. Vì vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Lào Cai không đưa ông Lê Đức H vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền nghĩa vụ theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện quyền nghĩa vụ theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung khởi kiện:

Về số tiền nợ gốc: Bị đơn công nhận được tự viết và ký vào Bản cam kết (giấy vay nợ) vào các ngày 08/10/2018; ngày 26/11/2018; ngày 19/01/2019; ngày 17/3/2019; ngày 15/11/2019; ngày 20/12/2019; ngày 14/02/2020; ngày 17/5/2020; ngày 06/7/2020; ngày 19/01/2021; ngày 14/5/2021; ngày 16/10/2021; ngày 27/01/2022, ngày 11/10/2022; tháng 6/2022 vay nóng số tiền 40.000.000đ trả tiền hàng hóa (không bà N viết bản cam kết (giấy vay nợ)), tổng cộng bà N nhận vay nợ của ông Ng và bà S số tiền vay là 2.740.000.000đ, không phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền vay (tiền gốc); không phải thế chấp tài sản cho khoản vay, mục đích vay tiền đầu tư kinh doanh để có lợi nhuận từ nguồn vốn vay. Các bên khi ký kết có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bà Đinh Thị N chưa trả 2.740.000.000đ cho ông Bùi Đức Ng và bà Bùi Thị S là có căn cứ.

Đối với số tiền 2.740.000.000đ ông Ng và bà S không yêu cầu trả lãi và không có tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết. Như vậy, tổng cộng bị đơn bà Đinh Thị N phải trả số tiền là 2.740.000.000đ (*hai tỷ bảy trăm bốn mươi triệu đồng*) cho ông Bùi Đức Ng và bà Bùi Thị S.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người nhận được ủy quyền của bà Bùi Thị S.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều là người cao tuổi nên không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

Về nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Đinh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 166; Điều 280; Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Buộc bà Đinh Thị N phải có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Đức Ng và bà Bùi Thị S tổng số tiền là 2.740.000.000đ (*hai tỷ bảy trăm bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đinh Thị N phải chịu 86.800.000đ (tám mươi S triệu tám trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Bùi Đức Ng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu Vực 8- Lào Cai(2);
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Đường sự (03);
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (01);
- VKSND tỉnh; huyện (02);
- Các đương sự (02);
- THADS TP;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lụa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; huyện.
- Các đương sự;
- THADS TP;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lụa